

## ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ

**Môn: Tôn giáo học đại cương (30 câu – 29 trang)**

### \*\*\*CÓ MỤC LỤC\*\*\*

Câu 1. Trình bày và phân tích đối tượng và phương pháp nghiên cứu của tôn giáo học Mác Xít.....	1
1.1. Đối tượng nghiên cứu của Tôn giáo học. ....	1
1.2. Phương pháp nghiên cứu TG của TG học. ....	1
Câu 2. Phân tích định nghĩa của Ph.Ăngghen về tôn giáo trong tác phẩm chống Duy – rinh.....	2
Câu 3. So sánh Tôn giáo với hình thái ý thức Triết học.....	3
3.1. Giống .....	3
3.2. Khác.....	3
Câu 4. Trình bày quan niệm tôn giáo học Macxit về nguồn gốc xã hội của tôn giáo.....	4
4.1. Mối quan hệ con người-tự nhiên. ....	4
4.2. Mối quan hệ con người-con người .....	5
Câu 5. Trình bày quan niệm của tôn giáo học Mácxit về nguồn gốc nhận thức của tôn giáo? .....	6
Câu 6. Trình bày quan niệm của tôn giáo học Mác xít về nguồn gốc tâm lý của tôn giáo ..	6
Câu 7. Anh (chị) hãy trình bày và phân tích ý thức của tôn giáo hiện đại .....	7
Câu 8. Anh chị hãy trình bày và phân tích sự thờ cúng tôn giáo. ....	8
Câu 9. Trình bày và phân tích tổ chức tôn giáo: .....	9
Câu 10. Hiểu biết về chức năng đền bù hư ảo.....	10
Câu 11. Hiểu biết về chức năng điều chỉnh và chức năng liên kết của tôn giáo.....	11
11.1. Chức năng điều chỉnh. ....	11
11.2. Chức năng liên kết.....	11

Câu 12. Hiểu biết về chức năng thế giới quan và chức năng giao tiếp của tôn giáo.....	11
12.1. Chức năng thế giới quan.....	11
12.2. Chức năng giao tiếp.....	12
Câu 13. Trình bày và phân tích tiền đề ra đời của đạo Phật.....	12
Câu 14. Trình bày và phân tích giáo lý cơ bản của đạo Phật .....	13
Câu 15. Trình bày sự du nhập và đặc điểm Phật giáo ở Việt Nam .....	14
15.1. Sự du nhập .....	14
15.2. Đặc điểm Phật giáo Việt Nam .....	15
Câu 16. Trình bày và phân tích tiền đề ra đời đạo Kitô .....	16
Câu 17. Trình bày và phân tích giáo lý đạo Kitô.....	17
17.1. Giáo lý của Kitô.....	17
17.2. Luật và lễ nghi .....	18
Câu 18. Trình bày sự du nhập và đặc điểm của Công giáo ở Việt Nam .....	18
18.1. Sự du nhập .....	18
18.2. Đặc điểm Công giáo ở Việt Nam .....	19
Câu 19. Trình bày sự du nhập và đặc điểm của Tin Lành ở Việt Nam.....	19
19.1. Sự du nhập của Tin Lành vào Việt Nam .....	19
19.2. Đặc điểm của Tin Lành ở Việt Nam.....	19
Câu 20. Phân tích tiền đề ra đời đạo Islam.....	19
Câu 21. Trình bày và phân tích giáo lý của đạo Islam (đạo Hồi).....	20
Câu 22. Trình bày sự du nhập và đặc điểm của Hồi giáo ở Việt Nam.....	22
22.1. Sự du nhập .....	22
22.2. Đặc điểm.....	22
Câu 23. Trình bày sự ra đời và giáo lý cơ bản của đạo Cao Đài.....	22
23.1. Sự ra đời .....	22
23.2. Giáo lý cơ bản.....	23

Câu 24. Trình bày sự ra đời và giáo lý cơ bản của Phật giáo Hòa Hảo .....	23
24.1. Sự ra đời .....	23
24.2. Giáo lý cơ bản: .....	23
Câu 25. Trình bày đặc điểm tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam .....	24
Câu 26. Trình bày sự ra đời và ý nghĩa của tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên.....	24
Câu 27. Trình bày sự ra đời và ý nghĩa của tín ngưỡng thờ Mẫu.....	24
Câu 28. Trình bày sự khác nhau giữa tín ngưỡng và tôn giáo .....	25
28.1. Sự giống nhau giữa tôn giáo và tín ngưỡng .....	25
28.2. Sự khác nhau giữa tôn giáo và tín ngưỡng .....	25
Câu 29. Trình bày các tiêu chí của sự phân loại tín ngưỡng ở Việt Nam .....	26
Câu 30. Trình bày quan điểm, đường lối của Đảng Cộng Sản về tôn giáo trong Nghị quyết 24 NQ/TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới.....	27
30.1. Bối cảnh ra đời .....	27
30.2. Nội dung cụ thể .....	27
30.3. Nguyên tắc cụ thể .....	28
30.4. Nghị quyết 24/NQ – TW ngày 16/10/1990 .....	28
30.5. Nhận xét.....	29

## **Câu 1. Trình bày và phân tích đối tượng và phương pháp nghiên cứu của tôn giáo học Mác Xít.**

### *1.1. Đối tượng nghiên cứu của Tôn giáo học.*

Tôn giáo học nghiên cứu Tôn giáo như một hình thái ý thức xã hội, 1 tiểu hệ thống nhất kiến trúc thượng tầng, 1 hiện tượng lịch sử nhằm chỉ ra nguồn gốc, bản chất, chức năng của tôn giáo cũng như các hình thức vận động lịch sử của nó.

- Trong lịch sử, tôn giáo đã là đối tượng nghiên cứu của nhiều trào lưu Triết học, Thần học. Vài ba thế kỷ gần đây, tôn giáo còn là đối tượng nghiên cứu của 1 số ngành khoa học như: Dân tộc học, Xã hội học, Tâm lý học, ... => có sự khác nhau.
  - + Triết học duy tâm đã giải thích sai lệch về tôn giáo
  - + Triết học duy vật trước Mác: giải thích phiến diện thậm chí cực đoan, sai lầm về hiện tượng tôn giáo do những hạn chế về lịch sử.
  - + Thần học: Mặc nhiên thừa nhận cái thần thánh, hay chỉ chứng minh cái tiền đề mà nó đã thừa nhận.

⇒ Tôn giáo học xem xét Tôn giáo trong một chỉnh thể, hệ thống, trong sự vận động, biến đổi và phát triển của nó để chỉ ra nguồn gốc, bản chất, kết cấu, chức năng Tôn giáo cũng như hình thức vận động của nó. Tuy nhiên không giải thích tất cả những hiện tượng liên quan đến vấn đề tôn giáo mà chỉ dừng lại ở những vấn đề chung, vấn đề cốt lõi của lý luận và lịch sử tôn giáo.

### *1.2. Phương pháp nghiên cứu TG của TG học.*

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội phức tạp, biểu hiện ở tính đa dạng, đa diện, đa chức năng, vì vậy cần phải dùng nhiều loại phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp luận duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa tôn tại xã hội và ý thức xã hội: Để hiểu được nguồn gốc, bản chất của ý thức tôn giáo và tôn giáo nói chung. Qua đó thấy được vai trò của tôn giáo đối với sự phát triển lịch sử xã hội.
- Phương pháp lịch sử cụ thể: Giúp hiểu được sự ra đời và lịch sử của tôn giáo; hiểu được vai trò sự tồn tại của Tôn giáo trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định => đánh giá khách quan, khoa học về hiện tượng Tôn giáo.
- Phương pháp cấu trúc chức năng:
  - + Phương pháp này đòi hỏi phải nghiên cứu Tôn giáo trong tính chỉnh thể, tính hệ thống

- + Trong cái chỉnh thể, hệ thống Tôn giáo lại được kết cấu bởi nhiều bộ phận, mỗi bộ phận có chức năng, vai trò riêng => khi nghiên cứu Tôn giáo cần xem xét tới mỗi bộ phận của nó và mối liên hệ giữa các bộ phận của chỉnh thể Tôn giáo và các hệ thống khác.
  - Phương pháp xem xét Tôn giáo xuất phát từ nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo
    - + Sự ra đời của Tôn giáo là nhằm đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của con người (nhu cầu đền bù hư ảo). Xem xét nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo là xem xét sự ra đời, tồn tại của tôn giáo trong mối quan hệ với hoạt động và lợi ích của con người.
- ⇒ Thấy được loại hoạt động nào, với đặc trưng gì của nó đã dẫn tới sự xuất hiện nhu cầu tín ngưỡng Tôn giáo và con người cần đến Tôn giáo nhằm lợi ích gì. Nhu cầu tín ngưỡng trong hệ thống những nhu cầu của con người trong cuộc sống là rất quan trọng và cần thiết.
- Sự thống nhất trong phân tích Tôn giáo về mặt triết học và mặt Xã hội học là một phương pháp hết sức quan trọng của việc tiếp cận Tôn giáo:
    - + Xem xét Tôn giáo về mặt Triết học là sự nghiên cứu Thế giới quan và mặt nhận thức luận.
    - Nghiên cứu Tôn giáo về mặt Xã hội học là nghiên cứu về mặt bản thể luận ( cái bản thể ở đây được biểu hiện là sự hiện hữu của hiện tượng Tôn giáo với những chức năng Xã hội của nó).

## **Câu 2. Phân tích định nghĩa của Ph.Ăngghen về tôn giáo trong tác phẩm chống Duy – rinh**

Dựa trên cơ sở của quan niệm duy vật về lịch sử, cũng như từ quan niệm của C.Mác về Tôn giáo, Ph.Ăngghen đã đưa ra một định nghĩa có tính chất kinh điển từ góc độ triết học về Tôn giáo: “ Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là một sự phản ánh hư ảo vào đầu óc con người của những lực lượng bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế mang hình thức những lực lượng siêu trần thế”

Tính bao quát của định nghĩa:

Định nghĩa này không những đã chỉ ra được bản chất của TG mà còn chỉ ra con đường hình thành ý thức hay niềm tin tôn giáo. Ở định nghĩa này Ph.Ăngghen tiếp tục luận điểm cho rằng con người sáng tạo ra Tôn giáo, được con người thực hiện thông qua con đường nhận thức => Cần tìm hiểu chủ thể, đối tượng, phương thức nhận thức của sự ra đời Tôn giáo.

Từ định nghĩa này cho thấy: Chủ thể tạo ra Tôn giáo là con người, đối tượng của sự phản ánh mà con người tạo ra Tôn giáo là sức mạnh ở bên ngoài thống trị cuộc sống hàng ngày của con người, còn phương nhận thức để tạo ra TG là phương thức hư ảo.

=>Kết quả:

- Con người tạo ra cái siêu nhiên thần thánh trong đầu óc của mình thuộc lĩnh vực ý thức niềm tin
- Ph.Ăngghen không thừa nhận cái siêu nhiên thần thánh với tư cách là thực thể thiên nhiên; càng không thừa nhận sự sáng tạo của cái siêu nhiên của đẳng tối cao với con người.
- Định nghĩa của Ph.Ăngghen về Tôn giáo tuy là định nghĩa có tính chất bao quát về hiện tượng Tôn giáo, là định nghĩa rộng nhưng đã chỉ rõ cái đặc trưng, cái bản chất của Tôn giáo, đó là niềm tin hay thế giới quan hoang đường hư ảo của con người.

### **Câu 3. So sánh Tôn giáo với hình thái ý thức Triết học**

#### *3.1. Giống*

- Đều là Thế giới quan, nói cách khác đều cung cấp cho con người bức tranh về thế giới nhằm thỏa mãn nhu cầu nhận thức của con người
  - Quan niệm chứa đựng những vấn đề chung nhất của tồn tại xã hội và ý thức xã hội, cách thức giải thoát cho con người
- ⇒ Giữa Tôn giáo và Triết học đều có điểm chung là đặt ra và giải quyết những vấn đề có tính chất thế giới quan, nhân sinh quan và liên quan tới cơ sở kinh tế.

#### *3.2. Khác*

- Triết học không phải là một trào lưu thống nhất mà chia làm hai trào lưu cơ bản đối lập nhau: Triết học duy tâm và Triết học duy vật.
  - + Chủ nghĩa duy tâm TH có mối liên hệ chặt chẽ với Tôn giáo
  - + Chủ nghĩa duy vật thì luôn phát triển trong cuộc đấu tranh với chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo, Triết học duy vật gắn liền với chủ nghĩa vô thần.
- So sánh Tôn giáo và chủ nghĩa duy tâm
  - + Giống nhau về nội dung

Cả hai đều trả lời như nhau đối với các vấn đề cơ bản: đều cho rằng tinh thần là cái có thứ nhất, còn vật chất là cái có thứ hai do tinh thần sinh ra; họ tin vào linh cảm, đáng cứu thế và những người có phép lạ.

+ Khác:

Trong Tôn giáo thì tinh thần tồn tại dưới dạng thần thánh, trong chủ nghĩa duy tâm thì tinh thần thể hiện như một bản nguyên không có đặc tính.

Triết học duy tâm khi xuất hiện trong phạm vi hình thái ý thức tôn giáo, đã có cùng nguồn gốc và nhận thức với tôn giáo. Cả hai đều là thể giới quan sai lầm, có vai trò xã hội giống nhau, trong xã hội có giai cấp thường phục vụ lợi ích của giai cấp bóc lột

+ Khác nhau về hình thức biểu hiện.

Cơ sở của tôn giáo là niềm tin vào những điều hư ảo, còn cơ sở của duy tâm: lợi dụng khoa học để chứng minh cho các quan điểm của mình, làm cho các quan điểm có cơ sở lý tính.

Khi dựa vào các khái niệm khoa học, Chủ nghĩa duy tâm tạo ra hệ thống phạm trù nhận thức phức tạp, trừu tượng >> Trong TG thì chứa đựng những quan niệm rõ ràng dễ hiểu. → phạm vi người nắm được chủ nghĩa duy tâm không rộng >> mọi người đều có thể học và nắm được giáo lý tôn giáo.

TG trong nó tất yếu bao hàm mối quan hệ tình cảm của giáo dân đối với những thế lực siêu nhiên, và để thực hiện mối quan hệ đó, các tôn giáo đã tạo ra hệ thống lễ nghi thờ cúng.

TG có các tổ chức để thực hiện những hành động của tôn giáo, đặc biệt là hđ thờ cúng, theo dõi giúp dân trong việc thực hiện các điều răn dạy, cấm đoán, kiêng kỵ của TG.

#### **Câu 4. Trình bày quan niệm tôn giáo học Macxit về nguồn gốc xã hội của tôn giáo.**

Nguồn gốc xã hội của tôn giáo là toàn bộ những nguyên nhân và điều kiện khách quan của đời sống xã hội tất yếu làm nảy sinh và tái hiện những niềm tin tôn giáo. Trong đó 1 số nguyên nhân gắn với mối quan hệ giữa con người-tự nhiên, 1 số gắn với mối quan hệ giữa con người-con người.

##### *4.1. Mối quan hệ con người-tự nhiên.*

- Tôn giáo học Macxit cho rằng: sự bất lực của con người trong cuộc đấu tranh với tự nhiên là nguồn gốc xã hội của tôn giáo.

- + Mọi quan hệ con người-tự nhiên được thực hiện thông qua phương tiện và công cụ mà con người có. Những công cụ, phương tiện càng kém phát triển thì tự nhiên càng thống trị con người mạnh bấy nhiêu => con người càng bất lực.
- + Thể hiện trong thời kỳ nguyên thủy: con người bất lực trước tự nhiên, con người thần thánh hoá tất cả các hiện tượng tự nhiên, sống phụ thuộc vào tự nhiên (trình độ sản xuất kém, con người không lý giải được các hiện tượng tự nhiên => thần thánh hoá các hiện tượng tự nhiên )

⇒ Bản thân giới tự nhiên không sản sinh ra tôn giáo, mối quan hệ đặc thù giữa con người và tự nhiên sản sinh ra tôn giáo, do trình độ sản xuất quyết định.

#### 4.2. Mối quan hệ con người-con người

Nguồn gốc xã hội của tôn giáo bao gồm cả phạm vi các mối quan hệ xã hội, trong đó có 2 yếu tố quyết định là: tính tự phát của sự phát triển xã hội và áp bức giai cấp, chế độ bóc lột người.

Tính tự phát của sự phát triển xã hội: những quy luật phát triển của xã hội biểu hiện như là những lực lượng mù quáng, trói buộc con người và ảnh hưởng đến số phận của họ. Những lực lượng này trong ý thức con người được thần thánh hóa và mang hình thức của những lực lượng siêu nhiên.

Trong xã hội có sự đối kháng giai cấp, sự áp bức giai cấp, chế độ bóc lột là một nhân tố quan trọng làm nảy sinh tôn giáo. Những người nô lệ, vô sản họ bị mất tự do, bị bần cùng về kinh tế, áp bức về chính trị. Họ bất lực trong việc tìm ra lối thoát khỏi áp bức ở hiện thực, bởi vậy họ đã tự tìm lối thoát cho mình ở một thế giới khác. Lê – nin nói: “Sự bất lực của giai cấp bị bóc lột trong cuộc đấu tranh chống bọn bóc lột tất nhiên đẻ ra lòng tin vào một cuộc đời tốt đẹp hơn ở thế giới bên kia”.

Theo Mác: muốn giải quyết vấn đề tôn giáo cần tập trung giải quyết vấn đề kinh tế, xã hội

⇒ Sự bần cùng về kt đã áp bức về mặt chính trị, sự hiện diện của những bất công Xh, cùng những thất vọng, bất lực của con người trong cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp bị trị là nguồn gốc sâu xa của tg.

Tuy nhiên, không nên đồng nhất nguồn gốc giai cấp với nguồn gốc TG.

⇒ Nguồn gốc xã hội là nguồn gốc quan trọng nhất trong 3 nguồn gốc của TG. Vì nó cho thấy con người sáng tạo ra tôn giáo chứ không phải TG sáng tạo ra con người.



### **Câu 5. Trình bày quan niệm của tôn giáo học Mácxít về nguồn gốc nhận thức của tôn giáo?**

Trước đây, người ta thường cho rằng: nguồn gốc nhận thức của tôn giáo là sự không hiểu biết của con người về nguyên nhân các sự kiện xảy ra trong thế giới xung quanh. Đó là sự giải thích làm đơn giản hoá vấn đề, nó chưa thể vạch ra được cơ chế phức tạp của quá trình tạo ra các quan niệm tôn giáo. Các quan niệm đúng cũng như các quan niệm sai về sự thật và hiện tượng chỉ xuất hiện ở con người trong quá trình tác động qua lại giữa con người với các sự vật hiện tượng.

- Vấn đề lịch sử nhận thức:

Lịch sử nhận thức của con người trải qua các giai đoạn từ thấp tới cao, trong đó giai đoạn thấp là giai đoạn nhận thức trực quan cảm tính. Ở giai đoạn nhận thức này (nhất là với hình thức nhận thức cảm giác và tri giác), con người chưa thể sáng tạo ra tôn giáo, bởi vì tôn giáo với tư cách là ý thức, là niềm tin, bao giờ nó cũng gắn với các siêu nhiên thần thánh, mà nhận thức trực quan cảm tính thì chưa thể tạo ra cái siêu nhiên thần thánh được. => Tôn giáo chỉ có thể ra đời khi con người đã đạt tới một trình độ nhận thức nhất định, đồng thời nó phải gắn với sự tự ý thức của con người về bản thân mình trong mối quan hệ với thế giới bên ngoài.

- Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo; gắn với đặc điểm của quá trình nhận thức, đó là một quá trình phức tạp và mâu thuẫn, là sự thống nhất biện chứng giữa nội dung khách quan và hình thức chủ quan.

Những hình thức phản ánh thế giới hiện thực càng đa dạng, phong phú bao nhiêu thì con người càng có khả năng nhận thức thế giới xung quanh sâu sắc và đầy đủ bấy nhiêu. Thực chất nguồn gốc nhận thức của tôn giáo cũng như của mọi ý thức sai lầm, chính là sự tuyệt đối hoá, sự cường điệu mặt chủ thể của nhận thức con người, biến nó thành cái không còn nội dung khách quan, không còn cơ sở “thế gian”, nghĩa là thành cái siêu nhiên thần thánh.

### **Câu 6. Trình bày quan niệm của tôn giáo học Mácxít về nguồn gốc tâm lý của tôn giáo**

Xét về lịch sử vấn đề, thì ảnh hưởng của yếu tố tâm lý (tâm trạng, xúc cảm) đến sự ra đời tôn giáo đã được các nhà duy vật thời cổ đại nghiên cứu. Họ đưa ra các luận điểm cho rằng “Sự sợ hãi sinh ra thần thánh”.

Các nhà duy vật của thời đại mới đã tiếp tục phát triển truyền thống của các nhà tư tưởng cổ đại. Đặc biệt Phoiobác – nhà triết học cổ điển người Đức, đã có công lao to lớn trong việc nghiên cứu nguồn gốc tâm lý của tôn giáo. Theo ông nguồn gốc đó không chỉ bao gồm những

tình cảm tiêu cực (như sự lệ thuộc, sợ hãi, không thỏa mãn, đau khổ, cô đơn...) mà cả những tình cảm tích cực (niềm vui, sự thỏa mãn, tình yêu, sự kính trọng...), nhu cầu muốn được đền bù hư ảo. Tuy nhiên, ông chưa giải thích được căn nguyên xã hội của những trạng thái tâm lý trên.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác- Lênin đã giải quyết vấn đề nguồn gốc tâm lý của tôn giáo khác với các nhà duy vật trước đó. Nếu các nhà duy vật vô thần trước Mác gán nguyên nhân xuất hiện tôn giáo với sự sợ hãi trước lực lượng tự nhiên thì chủ nghĩa Mác lần đầu tiên đã vạch ra những nguồn gốc của sự sợ hãi đó.

Ngoài ra, có các yếu tố như thói quen, truyền thống, phong tục, tập quán cũng là những nguyên nhân tâm lý dẫn đến sự hình thành và phát triển tình cảm và niềm tin tôn giáo.

### **Câu 7. Anh (chị) hãy trình bày và phân tích ý thức của tôn giáo hiện đại**

Ý thức tôn giáo bao gồm 2 trình độ hiện tượng vừa liên hệ với nhau vừa có tính độc lập tương đối đó là: tâm lý tôn giáo và hệ tư tưởng tôn giáo.

- Tâm lý tôn giáo:

- + Tâm lý tôn giáo là toàn bộ những biểu tượng, tình cảm, tâm trạng, thói quen, truyền thống gắn với hệ thống nhất định những tư tưởng tôn giáo và vốn có ở tất cả quần chúng tín đồ.
- + Tâm lý tôn giáo thuộc lĩnh vực ý thức thông thường. Sự hình thành của nó mang tính tự phát. Nó tồn tại dưới dạng thế giới quan thường ngày, trực tiếp gắn liền với hoạt động thực tiễn của tín đồ, biểu hiện như là một sức mạnh động cơ kích thích hành động của họ.
- + Tuy nhiên không nên đồng nhất khái niệm “tâm lý tôn giáo” và khái niệm “ tâm lý tín đồ”. Trong tâm lý giáo dân thường những yếu tố tôn giáo và không tôn giáo. Hay nói cách khác giáo dân là những công dân có tín ngưỡng tôn giáo, do vậy ở họ ngoài tâm lý tôn giáo họ cũng có những trạng thái tâm lý chung như mọi công dân khác.

- Hệ tư tưởng tôn giáo.

- + Hệ tư tưởng tôn giáo là hệ thống tương đối vững chắc như những tư tưởng, quan điểm tôn giáo được các nhà thần học các tổ chức tạo ra và tuyên truyền.
- + Về mặt lịch sử, hệ tư tưởng tôn giáo xuất hiện sau tâm lý tôn giáo, vào thời kì xã hội phân chia giai cấp.

- + Hệ tư tưởng tôn giáo có cấu trúc phức tạp, bộ phận trung tâm của tôn giáo là thần học. Tùy thuộc vào những điều kiện lịch sử cụ thể của sự hình thành và phát triển của mỗi tôn giáo mà kết cấu, nội dung của thần học có thể khác nhau, song bất kỳ một hệ thống thần học nào cũng đặt cho mình nhiệm vụ chứng minh sự tồn tại của cái siêu nhiên thần thánh, lập luận cho tính đúng đắn của giáo lý, sự thiêng liêng của kinh thánh.
- + Hệ tư tưởng tôn giáo và tâm lý tôn giáo liên hệ chặt chẽ với nhau, có sự tác động với nhau, tác động qua lại với nhau, tâm lý tôn giáo đem lại cho hệ tư tưởng tôn giáo một sắc thái tình cảm đặc biệt, nó giúp cho giáo dân tiếp thu hệ tư tưởng tôn giáo một cách dễ dàng hơn. Hệ tư tưởng tôn giáo “thuyết minh” những hiện tượng tôn giáo, khái quát chúng, làm cho chúng biến đổi theo một hướng nhất định. Trong mỗi quan hệ đó, hệ tư tưởng tôn giáo đóng vai trò tích cực, nó là nhân tố tái tạo ý thức tôn giáo ở trình độ tâm lý, nó cố gắng biến những yếu tố tôn giáo trong ý thức giáo dân thành yếu tố tôn giáo.
- + Khác với tâm lý tôn giáo là trình độ ý thức có ở mọi tín đồ, hệ tư tưởng tôn giáo do một nhóm người nghiên cứu và truyền bá, bao gồm các nhà thần học, các nhà triết học tôn giáo....

⇒ => Tóm lại khi hướng những lợi ích, sự suy nghĩ sự nỗ lực của con người vào những khách thể tưởng tượng, siêu nhiên, ý thức tôn giáo là một nhân tố có thể làm suy giảm sức lực vật chất và tinh thần của con người, hạn chế sự phát triển của thế giới quan khoa học và của tiến bộ xã hội nói chung.

### **Câu 8. Anh chị hãy trình bày và phân tích sự thờ cúng tôn giáo.**

Sự thờ cúng tôn giáo là yếu tố không thể tách rời của tôn giáo, là sự thực hiện ý thức tôn giáo trong hoạt động tôn giáo hằng ngày.

Thờ cúng tôn giáo là toàn bộ những hoạt động có tính chất thực tế - hư ảo của tín đồ nhằm cố gắng tác động vào khách thể tưởng tượng (thần thánh, đấng siêu nhiên nói chung) hoặc những khách thể thực (tượng Thánh, tượng Phật, vật thờ...) nhằm mong cầu sự che chở, sự trợ giúp của những khách thể đó.

Sự hình thành và phát triển phức tạp của thờ cúng gắn liền với sự phát triển của những tín ngưỡng tôn giáo trong mọi thời kỳ lịch sử có tôn giáo. Ví dụ: cùng với sự hình thành tín ngưỡng về linh hồn, đã xuất hiện hình thức thờ cúng: lễ cầu hồn; hoặc khi xuất hiện quan niệm

tôn giáo về đáng siêu nhiên tối cao - Thượng đế, đã nảy sinh sự thờ cúng nhằm lấy lòng thượng đế.

- Khi xem xét sự thờ cúng tôn giáo về mặt kết cấu bao gồm các bộ phận sau:
  - + Chủ thể của sự thờ cúng là những con người có tín ngưỡng tôn giáo, đó là nhu cầu được thờ cúng, vì qua sự thờ cúng mà người có tín ngưỡng tôn giáo đã thực hiện được nhu cầu của mình. Khi nói đến sự gia tăng của nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo, thì không thể không tìm hiểu về sự gia tăng hoạt động thờ cúng tôn giáo, nhưng không phải bất cứ sự gia tăng nào của sự thờ cúng tôn giáo cũng kéo theo sự gia tăng của niềm tin tôn giáo.
  - + Đối tượng của sự thờ cúng tôn giáo là cái siêu nhiên thần thánh, song cái siêu nhiên thần thánh này được biểu tượng hoá qua tranh ảnh tượng, vật thờ, vật thiêng.
  - + Công cụ và phương tiện của sự thờ cúng là chuông mõ, kinh, sách, tràng hạt... nhờ có phương tiện này mà chủ thể thờ cúng có thể tác động đến cái siêu nhiên thần thánh.
  - + Lễ nghi thờ cúng: ở mỗi tôn giáo, lễ nghi thờ cúng được quy định chặt chẽ, bắt buộc đối với mọi tín đồ.
- Sự thờ cúng tôn giáo: Luôn được các tổ chức tôn giáo quan tâm nhằm thu hút tín đồ vào tổ chức tôn giáo của mình. Sự thờ cúng tôn giáo đóng vai trò to lớn đối với mọi tôn giáo. Nó là phương tiện tác động mạnh mẽ vào tư tưởng tín đồ. Nhờ có các lễ nghi thờ cúng mà các tổ chức tôn giáo đưa được tư tưởng tôn giáo dưới hình tình cảm cụ thể vào ý thức quần chúng của giáo dân, duy trì củng cố những tư tưởng đó. Nó còn là phương tiện để củng cố sự thống nhất tín ngưỡng của một tôn giáo nào đó.

### **Câu 9. Trình bày và phân tích tổ chức tôn giáo:**

Tổ chức tôn giáo ra đời nhằm làm cho nó phù hợp với các tôn giáo hiện đại, sự ra đời tổ chức tôn giáo là nhằm làm cho nó phù hợp với sự phát triển mới của lịch sử xã hội – xã hội có giai cấp và nhà nước.

Tổ chức tôn giáo là sự liên kết của những người theo một tôn giáo nhất định, hình thành trên cơ sở tính chất cộng đồng và tín ngưỡng và lễ nghi. Chức năng của tổ chức tôn giáo là thoả mãn những nhu cầu tôn giáo của tín đồ, điều chỉnh hoạt động thờ cúng, đảm bảo tính bền vững và chính thể của sự liên kết các tổ chức tôn giáo đó.

- Tổ chức tôn giáo có kết cấu rất phức tạp, song đại thể nó bao gồm các bộ phận sau: giáo chủ, giáo hội (hội đồng đại diện) và cộng tín đồ. Về phạm vi của tổ chức, tùy theo từng

tôn giáo mà nó có thể có tổ chức mang tính thế giới hay mang tính khu vực, quốc gia, địa phương (đạo Phật). Trong tiến trình phát triển lịch sử và do đặc trưng của mỗi tôn giáo mà ngoài các bộ phận trên trong tổ chức tôn giáo còn có thể có tu viện, trường đào tạo, viện nghiên cứu, hội quần chúng... thậm chí trong một số giai đoạn lịch sử nhất định một số tôn giáo còn có quân đội, nhà tù, toà án, đảng chính trị (Kitô giáo).

- Trong thời đại ngày nay, các tôn giáo có những đổi mới về tổ chức nhằm gia tăng vai trò của tôn giáo đối với quần chúng tín đồ và nhằm khẳng định vị thế của tôn giáo với đời sống xã hội. Ví dụ: các tôn giáo cố gắng tạo ra tổ chức gọn nhẹ, năng động hơn, thậm chí dân chủ hơn, cố gắng hướng hoạt động vào những vấn đề mới của đời sống xã hội.

Sự gia tăng của tổ chức tôn giáo đã làm cho tiểu hệ thống kiến trúc thượng tầng tôn giáo có được vị thế và vai trò lớn hơn so với các tiểu hệ thống kiến trúc thượng tầng khác, qua đó gia tăng ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển của cơ sở hạ tầng xã hội.

### **Câu 10. Hiểu biết về chức năng đền bù hư ảo**

Chức năng đền bù hư ảo là chức năng chủ yếu và đặc thù của tôn giáo. Luận điểm của Các mác: “Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” đã làm nổi bật chức năng đền bù hư ảo của tôn giáo. Giống như thuốc phiện tôn giáo đã tạo ra sự “làm nhẹ” tạm thời nỗi đau khổ của con người, an ủi cho những mất mát, những thiếu hụt hiện thực của đời sống con người, đồng thời có thể gây ra những tác động có hại với con người khi gây ra ở họ nhu cầu thường xuyên tách ra khỏi hiện thực, tìm kiếm cho họ những quan niệm hư ảo.

Trong những điều kiện lịch sử cụ thể, tôn giáo thậm chí còn là chỗ dựa tinh thần cho những ước muốn chân chính của quần chúng bị áp bức, phục vụ cho lợi ích của họ (ví dụ nó đã từng làm vỏ bọc tư tưởng của các phong trào xã hội tiến bộ). Nhưng ở đây nó vẫn không mất đi chức năng đền bù hư ảo, tôn giáo hướng niềm tin của họ vào thế giới siêu nhiên, chuyển hướng niềm tin và sự nỗ lực của họ vào con đường hư ảo.

Chức năng đền bù hư ảo không chỉ là chức năng chủ yếu và đặc thù mà còn phổ biến ở mọi tôn giáo. Ở đâu có tôn giáo thì ở đó có chức năng đền bù hư ảo.

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội phức tạp, vì vậy nó không chỉ thực hiện một chức năng mà là thực hiện một hệ thống chức năng xã hội. Sự phân tích khoa học đòi hỏi phải nghiên cứu các chức năng xã hội của tôn giáo trong sự thống nhất và liên hệ thống tác động qua lại giữa chúng. Chức năng đền bù hư ảo không tồn tại tách rời các chức năng khác của nó: Chức thế giới quan, chức năng điều chỉnh, chức năng liên kết, chức năng giao tiếp.

## **Câu 11. Hiểu biết về chức năng điều chỉnh và chức năng liên kết của tôn giáo**

### *11.1. Chức năng điều chỉnh.*

Tôn giáo đã tạo ra một hệ thống những chuẩn mực, những giá trị nhằm điều chỉnh hành vi của những người có đạo. Những hành vi được điều chỉnh ở đây không chỉ là những hành vi thờ cúng mà cả những hành vi trong cuộc sống hàng ngày, trong quan hệ xã hội, trong quan hệ gia đình của tín đồ. Vì vậy, hệ thống chuẩn mực và giá trị trong lý thuyết đạo đức xã hội do các nhà tư tưởng tôn giáo tạo ra và tuyên truyền đã có ảnh hưởng quan trọng đến mọi hoạt động của con người.

Trong hiện thực những chuẩn mực và giá trị tôn giáo đã bị tước bỏ đặc trưng khách quan và xuất hiện như là sự phản ánh sai lầm hư ảo giá trị trần thế. Những giá trị trần thế ở đây đã bị phụ thuộc vào những giá trị siêu nhiên.

### *11.2. Chức năng liên kết.*

Tôn giáo với tư cách là bộ phận tất yếu của kiến trúc thượng tầng đã đóng vai trò quan trọng của nhân tố liên kết xã hội, nghĩa là nhân tố làm ổn định những trật tự xã hội đang tồn tại, dựa trên những hệ thống giá trị và chuẩn mực chung của hành vi xã hội. Nhưng tôn giáo không phải là nhân tố liên kết xã hội và đảm bảo sự thống nhất của xã hội chủ yếu mà chỉ có vai trò to lớn trong cộng đồng tín đồ.

Trong những điều kiện lịch sử cụ thể, các chức năng của tôn giáo có thể biến đổi theo những cách khác nhau và được các giai cấp khác nhau lợi dụng. Tuy nhiên, ngày nay một số tổ chức tôn giáo trên thế giới thay đổi khuynh hướng hoạt động, ủng hộ đường lối của Nhà nước, đồng hành cùng dân tộc.

## **Câu 12. Hiểu biết về chức năng thế giới quan và chức năng giao tiếp của tôn giáo.**

### *12.1. Chức năng thế giới quan.*

Khi phản ánh một cách tưởng tượng, hư ảo thế giới hiện thực, tôn giáo có tham vọng tạo ra một bức tranh của thế giới nhằm thoả mãn nhu cầu nhận thức của con người dưới một hình thức xuyên tạc. Bức tranh chung của tôn giáo về thế giới bao gồm hai bộ phận: thế giới thánh thần và thế giới trần tục, trong đó tôn giáo lý giải những vấn đề tự nhiên về con người về xã hội. Sự lý giải của tôn giáo nhằm hướng con người tới thế giới siêu nhiên thần thánh, do đó đã xem nhẹ đời sống hiện thực. Bức tranh của tôn giáo về thế giới có thể tác động tiêu cực đến ý thức tín đồ, đến thái độ của họ đối với thế giới xung quanh. Ở đây có mối liên hệ chặt chẽ giữa chức năng thế giới quan với chức năng đền bù hư ảo của tôn giáo.

## 12.2. Chức năng giao tiếp

Chức năng giao tiếp của tôn giáo thể hiện khả năng liên hệ giữa những người có cùng tín ngưỡng với nhau. Sự liên hệ (giao tiếp) được thực hiện chủ yếu trong hoạt động thờ cúng và sự giao tiếp với thánh thần được xem là giao tiếp tối cao. Ngoài mối liên hệ giao tiếp trong quá trình thờ cúng, ở tín đồ còn có mối liên hệ ngoài tôn giáo: liên hệ kinh tế, liên hệ trong sinh hoạt hàng ngày, liên hệ trong gia đình... Những mối liên hệ ngoài tôn giáo có thể củng cố và tăng cường các mối liên hệ tôn giáo của họ.

### **Câu 13. Trình bày và phân tích tiền đề ra đời của đạo Phật**

Phật giáo là một trong những tôn giáo ra đời từ rất sớm (thế kỉ VI, V TCN ở Ấn Độ). Vào thế kỉ III, II TCN, Phật giáo được coi là quốc giáo của Ấn Độ và sau đó được truyền bá, lan tỏa ra các nước và khu vực khác. Ngày nay, Phật giáo có mặt ở nhiều nước và là một trong những tôn giáo lớn trên thế giới.

Vào khoảng thế kỉ II TCN, Ấn Độ đã có một nền văn minh mới – văn minh Vêđa. Trong thời kì của nền văn minh này, có sự phát triển mạnh mẽ về văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo, về kinh tế và có những biến đổi lớn về mặt xã hội.

- Về văn hóa:
  - + Thời kì này đã có những phát minh hết sức quan trọng về toán học, triết học, thiên văn học, đã chế tác được những đồ trang sức, đóng thuyền vượt biển... Những thành tựu này đã trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần vào sự ra đời của Phật giáo.
  - + Đặc biệt, triết học có vai trò to lớn đối với sự ra đời của Phật giáo. Phật giáo vừa tiếp thu cả quan niệm duy vật và duy tâm. Điều này đã làm cho Phật giáo khác với nhiều tôn giáo khác cả ở phương Đông và phương Tây.
- Về tín ngưỡng, tôn giáo: thời kì này, ở Ấn Độ, đạo Bàlamôn đang giữ vị trí thống trị. Về mặt tôn giáo, đạo Bàlamôn đề cao vai trò của đẳng tối cao, hạ thấp vai trò của con người, đặc biệt là tầng lớp thấp hèn. Về mặt xã hội, đạo này đề cao, tuyệt đối hóa sự bất bình đẳng giữa các giai cấp. Đạo Phật ra đời một mặt phản bác lại đạo Bàlamôn, mặt khác lại tiếp thu, kế thừa những quan niệm của đạo Bàlamôn như quan niệm về nghiệp, kiếp, luân hồi.
- Về mặt xã hội:
  - + thời kì này, do sự phát triển của sản xuất, của sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất đã dẫn tới sự phân hóa và mâu thuẫn giai cấp sâu sắc, sự phân biệt đẳng cấp càng khắc

nghiệt hơn. Trong xã hội, có 5 đẳng cấp cơ bản: Thứ nhất, đẳng cấp tăng lữ (hay đẳng cấp Bàlamôn), đẳng cấp này được coi là có địa vị cao nhất, có quyền lực cao nhất trong xã hội, vừa thực hiện chức năng thần quyền và thế quyền. Thứ 2, đẳng cấp quý tộc, theo sự phân công xã hội, đẳng cấp này thực hiện chức năng thế quyền, tuy nhiên vẫn bị đẳng cấp Bàlamôn lấn lướt, nắm giữ. Thứ 3, đẳng cấp dân tự do, đây là lực lượng đông đảo nhất và là lực lượng sản xuất chủ yếu, vì vậy họ có vai trò nhất định trong xã hội. Thứ 4, giai cấp nô lệ, đây là giai cấp có địa vị thấp nhất.

- + Sự phân hóa đẳng cấp bị đẳng cấp Bà là môn thần thánh và tuyệt đối hóa, làm cho mâu thuẫn thêm sâu sắc và dẫn tới đấu tranh, tuy nhiên vẫn không thể xóa bỏ được sự bất bình đẳng. trên cơ sở đó, Đạo Phật ra đời với mong muốn đưa lại sự bình đẳng cho con người, tuy nhiên chỉ là sự bình đẳng về tinh thần, về khả năng giải thoát.
- + Phật giáo ra đời không thể không nói đến vai trò to lớn của Thích Ca Mâu Ni và những người kế tục ông. Thích Ca Mâu Ni xuất thân từ tầng lớp quý tộc, mặc dù được kế vị ngôi vua nhưng ông đã từ bỏ cung điện, vợ con để đi tìm con đường thoát khổ cho chúng sinh. Qua nhiều năm tìm kiếm, tu hành với nhiều cách thức khác nhau và sau 49 ngày nhập định, ngài đã tìm ra chân lý của con đường thoát khổ và trở thành bậc giác ngộ (Phật). Sau đó, ông đi truyền bá tư tưởng của mình và tập hợp những người tin theo tư tưởng ấy hình thành nên các đoàn thể Phật giáo đầu tiên ở Ấn Độ. Sau khi Phật Thích Ca nhập niết bàn, ở Ấn Độ đã diễn ra 4 cuộc đại hội lớn và đã hình thành hệ thống kinh điển gồm kinh, luật, luận và các nghi lễ, tổ chức. Sau đó, Phật giáo phân thành 2 phái: Tiểu thừa và Đại thừa.

#### **Câu 14. Trình bày và phân tích giáo lý cơ bản của đạo Phật**

Phật giáo vừa là một tôn giáo, vừa là một trào lưu triết học, trong đó triết học Phật giáo là cơ sở cho những giáo lý của tôn giáo này. Giáo lý cơ bản của Phật giáo gồm “Tứ diệu đế” và “Niết bàn”

- Tứ diệu đế: là nói về chân lý của sự khổ, cách diệt khổ, bao gồm:
  - + Khổ đế: Phật giáo coi cuộc đời của con người là khổ, có “bát khổ”. Đó là: sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, sở cầu bất đắc khổ (muốn mà không đạt được thì khổ), ái biệt ly khổ (thương yêu nhau mà phải xa nhau thì khổ), oán tăng hội khổ (thù ghét nhau mà phải sống với nhau thì khổ), ngũ uẩn xí thịnh khổ (sự thụ hưởng của yếu tố vật chất, sự tương tác của giác quan với thế giới bên ngoài). Tám cái khổ đó thuộc



về quy luật sinh tồn và quan hệ hiện thực của con người, do vậy thoát khổ của Phật giáo là thoát khỏi quy luật sinh tồn và quan hệ hiện thực của họ.

- + Tập đế: từ chỗ khẳng định cuộc đời là bể khổ, “tập đế” nói đến nguyên nhân dẫn tới nỗi khổ của con người. Đạo Phật chỉ ra 10 nguyên nhân dẫn tới sự khổ: thứ nhất là tham lam, 2 là giận dữ, 3 là si mê, 4 là khiêu mạn, 5 là nghi ngờ, 6 là biên kiến, 7 là tà kiến, 9 là thân kiến, 10 là giới cấm. 10 nguyên nhân đó gộp làm các nhóm: nguyên nhân về quan hệ hiện thực, nhận thức và giới luật.
- + Diệt đế: nói đến con đường diệt khổ bằng cách diệt trừ nguyên nhân sinh ra nó. Đạo Phật chỉ ra chính con người tạo ra cái khổ, bởi vậy chính con người là chủ thể của sự diệt khổ. Phật giáo cũng cho rằng cái khổ của con người ở kiếp này có thể do kiếp trước gây nên.
- + Đạo đế: nói đến cách để diệt trừ và con đường dứt hết cái khổ. Phật giáo Đại thừa thường dùng “bát chánh đạo”.
- Niết bàn: Niết bàn được Phật giáo coi là một trạng thái vắng lặng, tịch diệt, nếu con người đạt tới thì sẽ sống an nhiên tự tại, không còn khổ đau, sinh tử luân hồi nữa. Có 2 cách giải thích về sự tồn tại của Niết bàn: cách thứ nhất cho rằng Niết bàn tồn tại ở nơi mà sau khi con người chết, nếu tu hành đắc đạo linh hồn sẽ được siêu thoát về thế giới Niết bàn (Tây phương cực lạc), nơi dứt hết khổ đau; cách thứ 2, cho rằng Niết bàn tồn tại ngay trong thế giới trần tục, con người có thể đạt đến trạng thái này khi đã loại bỏ được tham, sân, si.

## **Câu 15. Trình bày sự du nhập và đặc điểm Phật giáo ở Việt Nam**

### *15.1. Sự du nhập*

- Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ thế kỉ thứ I, II SCN qua sự giao lưu buôn bán của người Ấn với người Việt, sau đó là người Hoa với người Việt. Sự du nhập bằng 2 con đường chính là đường thủy và đường bộ.
- Sự du nhập Phật giáo vào Việt Nam là một quá trình về cơ bản là tương đối liên tục từ thế kỉ I cho đến thế kỉ XVII.
- + Từ thế kỉ I đến thế kỉ IX, X: ở phía bắc, Phật giáo được du nhập sớm nhất vào trung tâm Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh), sau đó lan tỏa và phát triển sang các tỉnh đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Giai đoạn này, Phật giáo đã khẳng định được vị thế của mình trong đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng.

- + Từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV: dưới thời Lý, Trần, Phật giáo phát triển hưng thịnh và được coi là quốc giáo, thậm chí một số người của Phật giáo còn tham chính. Đặc biệt vào thời Trần, người Việt còn sáng tạo ra phái thiền riêng của mình – phái Trúc Lâm Yên Tử, góp phần làm cho Phật giáo ở Việt Nam thành Phật giáo của Việt Nam. Tuy nhiên, mặc dù được coi là quốc giáo nhưng Phật giáo vẫn tồn tại song song với các tôn giáo, tín ngưỡng khác.
- + Từ thế kỉ XV đến giữa thế kỉ XX (trước Cách mạng tháng 8): Nho giáo được coi là quốc giáo nhưng Phật giáo vẫn giữ vai trò quan trọng và phát triển trong cộng đồng.
- + Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, năm 1981 Phật giáo Việt Nam đã tiến hành đại hội lần thứ I và thành lập 1 tổ chức thống nhất: Giáo hội Phật giáo Việt Nam và đưa ra phương châm hoạt động: “Đạo pháp – Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội”. Hiện nay, chưa có con số thống kê chính xác về số lượng tín đồ Phật giáo.

### 15.2. Đặc điểm Phật giáo Việt Nam

Phật giáo du nhập vào Việt Nam đã cơ sự tương tác, sự sống chung với các tín ngưỡng, tôn giáo bản địa, điều này đã hình thành nên những đặc điểm rất riêng của Phật giáo ở Việt Nam.

*Một là dung hợp các tín ngưỡng truyền thống.* Phật giáo ở Việt Nam dung hợp với các tín ngưỡng truyền thống như thờ cúng tổ tiên, thờ thần, thờ mẫu, Phật giáo vẫn sống chung và hòa đồng với các tín ngưỡng ấy, tuy nhiên, Phật giáo vẫn giữ vai trò chủ đạo. Điều này được thể hiện rất rõ trong cách bày trí tượng thờ trong chùa, đặc biệt là miền Bắc.

*Hai là Phật giáo là thành tố trong tam giáo đồng nguyên:* Phật giáo dung hợp cùng tinh thần Nho giáo và Đạo giáo. Các vị tăng sĩ Phật giáo thông hiểu Nho giáo, uyên thâm Lão giáo, và vận dụng tam giáo nhuần nhuyễn trong cuộc sống, tu hành của mình.

*Ba là gắn bó với dân tộc:* Phật giáo du nhập vào Việt Nam trở thành một tôn giáo gắn bó giữa đạo với đời, thể hiện tinh thần nhập thế. Phật giáo Việt Nam có truyền thống yêu nước, gắn bó với dân tộc, đồng hành trong những giai đoạn thăng trầm của đất nước, góp phần đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc. Tiêu biểu là Lý Công Uẩn và Trần Nhân Tông.

*Bốn là đoàn kết nội bộ:* Phật giáo Việt Nam có tinh thần đoàn kết, gắn bó nội bộ. Tuy có nhiều tông phái Phật giáo cùng tồn tại và phát triển, nhưng tất cả đều sinh hoạt trong một tổ chức chung là Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Năm 1981, trải qua một năm vận động thống nhất đã thành lập tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Trong Hiến chương của mình Giáo hội Phật giáo Việt Nam khẳng định “*Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức Giáo hội duy nhất đại diện*

cho tăng ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước”. Ngoài ra, Phật giáo Việt Nam còn đoàn kết với các tầng lớp trong xã hội và đoàn kết với các tôn giáo bạn để chung tay xây dựng và phát triển đất nước. Đây là điều chưa có một tổ chức Phật giáo nước ngoài nào có thể làm được.

*Năm là tính sơn môn pháp phái:* Du nhập vào Việt Nam, Phật giáo hình thành và phát triển theo truyền thống của cư dân, phát triển như dòng họ thế tục. Việc quản lý, kỷ luật sư sãi đều do Sơn môn, Pháp phái giải quyết. Giáo hội chung chỉ chủ trương và định hướng những công tác Phật sự lớn và có tính tổng thể. Còn các hoạt động tôn giáo cụ thể như: tiếp độ tăng ni, truyền thụ giới luật, trì giảng kinh điển, các nghi thức tôn giáo... đều mang tính Sơn môn, Hệ phái, và do người đứng đầu Sơn môn, Hệ phái chỉ đạo thực hiện.

*Sáu là thành tố tạo nên tính đặc trưng văn hóa:* Văn hoá, đạo đức Phật giáo như quan điểm “ở hiền gặp lành” “báo đáp tứ trọng ân” “người Phật tử hiếu hạnh” “hành thiện tránh ác”, “từ bi cứu khổ”, “tôn trọng con người”, “bình đẳng tâm, không phân biệt đẳng cấp, sang hèn”, “yêu chuộng hòa bình”... đã thấm đậm trong tâm tưởng mỗi con người Việt Nam qua các thế hệ. Nó đã góp phần tạo dựng nên nền văn hoá Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc. Mà ở đó, người ta không còn phân biệt đâu là đạo đức xã hội, đâu là đạo đức tôn giáo.

## **Câu 16. Trình bày và phân tích tiền đề ra đời đạo Kitô**

Đạo Kitô ra đời vào thế kỉ I sau công nguyên ở các tỉnh phía đông La Mã. Sự ra đời của tôn giáo này gắn liền với những vấn đề kinh tế xã hội và tư tưởng ở các khu vực của đế quốc La Mã thời kỳ lịch sử bấy giờ.

- Về kinh tế - xã hội:

Xét về mặt hình thái kinh tế - xã hội thì La Mã và các nước Tây Âu thời kỳ đó thuộc về hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ, song chế độ nô lệ ấy đang lâm vào khủng hoảng trầm trọng để dần chuyển sang hình thái mới là phong kiến. Người dân các nước phía Đông La Mã thời bấy giờ phải chịu sự áp bức bóc lột tàn bạo của đế quốc La Mã. Do vậy, họ đã nhiều lần đứng lên đấu tranh chống lại sự áp bức. Song đều thất bại và bị tàn sát đẫm máu. Tiêu biểu như cuộc khởi nghĩa của nô lệ đảo Xixin năm 138 TCN; cuộc khởi nghĩa ở Nam Ý năm 73 TCN do Xpáctaquyt lãnh đạo. Không tìm thấy lối thoát trong đời sống hiện thực mặc dù người dân đã phải hi sinh cả xương máu để giải phóng bản thân mình, điều này đã khiến họ mệt mỏi, chán nản và mong chờ một đấng siêu nhiên đến cứu giúp họ. Đây là tiền đề khách quan quan trọng nhất dẫn đến sự ra đời của đạo Kitô.

- Về tư tưởng:

+ Tư tưởng triết học:

Sau thời kỳ phát triển rực rỡ của triết học Hy Lạp vào khoảng từ thế kỷ 6 đến thế kỷ 3 TCN, triết học Tây Âu đã dần suy thoái, những tư tưởng duy tâm dưới những hình thức khác nhau một cách rộng rãi, điển hình là trào lưu triết học Khắc kỷ. Trong triết học khắc kỷ nói riêng và triết học duy tâm ở Tây Âu nói chung thì Phi-lông và Xê-néc-cơ. Phi long cho rằng thế giới vật chất trong đó có con người là căn nguyên của tội lỗi, sự hèn hạ còn thể xác con người là ngục thất của linh hồn. Ông chia thế giới thành thế giới vật chất và tinh thần, giữa hai thế giới này là Thiên đạo, Đấng cứu thế, nhờ có trung gian này mà con người có linh hồn. Xê-néc-cơ cho rằng thể xác là gánh nặng của linh hồn, cuộc sống trần gian chỉ là khúc dạo đầu của cuộc sống vĩnh hằng ở thế giới bên kia. Những tư tưởng trên là tiền đề lý luận cho sự xuất hiện đạo Kitô.

+ Tư tưởng tôn giáo:

Trước khi đạo Kitô ra đời, ở khu vực thuộc địa của đế quốc La Mã đã tồn tại đạo Do Thái với tư cách là tôn giáo của dân tộc Do Thái. Do những biến động của lịch sử mà dân tộc này đã bị lưu tán sang các nước Trung cận Đông, điều này cũng tác động tới chính tôn giáo của họ. Khi đạo Kitô ra đời ở khu vực phía Đông của đế quốc La Mã, nó đã tiếp thu, kế thừa quan niệm của tôn giáo này, mà điều dễ thấy nhất đó là nó lấy kinh Cựu ước, vốn là kinh của đạo Do Thái làm một cuốn kinh của mình. Và về mặt lịch sử, sự ra đời của đạo Kitô ban đầu mang vỏ bọc của đạo Do Thái, nó là 1 phong trào Do Thái.

Sự ra đời của Ki tô còn gắn liền với câu chuyện về chúa Giê-su (có tính chất huyền thoại), con của Đức Chúa trời, giáng thế để cứu chuộc tội lỗi cho con người.

## **Câu 17. Trình bày và phân tích giáo lý đạo Kitô**

### *17.1. Giáo lý của Kitô*

Giáo lý của Kitô gồm 2 bộ kinh là Cựu ước và Tân ước. Cựu ước có 46 quyển nói về Thiên chúa, nói về việc tạo dựng vũ trụ và con người bởi Chúa, nói về luật pháp, phong tục tập quán, văn hóa của dân tộc Do thái, đồng thời chuẩn bị cho sự xuất hiện của Đấng Cứu thế. Tân ước gồm 27 quyển kể về cuộc đời và sự nghiệp của Đấng Cứu thế - Chúa Giê-su, về quá trình hoạt động của các tông đồ; những lời răn dạy của Chúa Giê-su và các tông đồ đối với con người.

Tín điều căn bản đầu tiên là niềm tin và Thiên Chúa và sự mầu nhiệm của Thiên chúa. Thiên chúa có 3 ngôi: ngôi Cha, ngôi Con và ngôi Thánh thần. Tuy 3 ngôi nhưng cùng 1 thể là Thiên Chúa. Ba ngôi đồng vinh, đồng đẳng và đồng quyền, nhưng mỗi ngôi lại có chức năng,

vai trò khác nhau. Thiên chúa là đấng thiêng liêng, vạn năng, là đấng đã sáng tạo và điều hành thế giới. Sự tồn tại và biến đổi của thế giới đều do Thiên Chúa tạo nên.

Người Kitô tin rằng: con người có trí khôn, lương tâm và có đạo đức nên làm chủ thế giới. Con người có 2 phần thể xác (phàm tục) và linh hồn (linh thiêng). Do có tính phàm tục nên con người mắc nhiều tội lỗi, Chúa trừng phạt con người, nhưng do lòng nhân từ, Chúa đã sai Chúa Giêsu xuống trần thế để cứu chộc tội lỗi của loài người.

### *17.2. Luật và lễ nghi*

Tôn chỉ của đạo Kitô là Kính Chúa và Yêu Người, bao gồm 10 điều răn: 1, phải thờ phụng và kính mến Thiên Chúa trên hết mọi sự; 2, không được đưa danh Thiên chúa vào việc phàm tục tầm thường; 3, dành ngày chủ nhật để thờ phụng Thiên Chúa; 4, thảo kính cha mẹ; 5, không được giết người; 6, không được dâm dục; 7, không được gian tham; 8, không được làm chứng dối; 9, không được ham muốn vợ, chồng người khác; 10, không được ham muốn của trái lẽ.

Bảy phép Bí tích gồm: Rửa tội, thêm sức, giải tội, thánh thể, xức dầu Thánh, Truyền chức Thánh, Hôn phối.

## **Câu 18. Trình bày sự du nhập và đặc điểm của Công giáo ở Việt Nam**

### *18.1. Sự du nhập*

Từ thế kỉ XVI đã có một số giáo sĩ phương Tây vào nước ta để truyền giáo, nơi đầu tiên là ở Giao Thủy, Nam Định. Từ năm 1614 – 1645, các giáo sĩ Dòng Tên từ Ma Cao vào hoạt động truyền giáo ở cả Đàng Trong và Đàng Ngoài, đã thu được những kết quả nhất định. Sau đó, Giáo hoàng ở Rôma đã cử người đến Việt Nam làm giám mục. Năm 1659, 2 giáo phận đầu tiên được thành lập ở Đàng Trong và Đàng Ngoài.

Trong quá trình truyền giáo, một số giáo sĩ Hội Thừa sai Paris đã có những hoạt động nhằm phục vụ âm mưu và lợi ích của thực dân Pháp, nên đã làm ảnh hưởng đến sự phát triển của Công giáo như bị các vua chúa phong kiến cấm đạo, bức hại đạo một cách quyết liệt.

Sau khi Thực dân Pháp chiếm Việt Nam, uy thế của Công giáo được đề cao, nhiều cơ sở của Công giáo được xây dựng, số lượng tín đồ gia tăng nhanh chóng. Đến năm 1933, Vatican trao quyền tự quản cho Công giáo Việt Nam và phong người bản xứ đầu tiên là Nguyễn Bá Tòng làm giám mục. Đến năm 1960, hàng giáo phẩm Công giáo ở Việt Nam mới được thiết lập, Giáo hội Công giáo được chia làm 3 Giáo tỉnh ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

Qua nhiều thăng trầm lịch sử, đạo Công giáo dần tìm được chỗ đứng trong cộng đồng người Việt. Năm 1980, Hội đồng Giám mục Việt Nam được thành lập và xác định đường hướng hoạt động của Giáo hội là “Sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc, để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”.

Hiện nay, ở Việt Nam, đạo Công giáo có khoảng 5 triệu tín đồ, tập trung nhiều ở các tỉnh như Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Nam Định, Nghệ An...

### *18.2. Đặc điểm Công giáo ở Việt Nam*

## **Câu 19. Trình bày sự du nhập và đặc điểm của Tin Lành ở Việt Nam**

### *19.1. Sự du nhập của Tin Lành vào Việt Nam*

Năm 1884, Hội truyền giảng Tin Lành thuộc địa Pháp gửi mục sư đến Hải Phòng và cho lập hội thánh ở 3 trung tâm lớn là Hà Nội, Hải Phòng và Sài Gòn. Tuy nhiên, việc truyền giáo chưa thu được kết quả như mong muốn. Sau đó, Hội liên hiệp Cơ Đốc và Truyền giáo (CMA) thực hiện công cuộc truyền giáo ở Việt Nam. Năm 1911, Hội truyền giáo CMA xây dựng cơ sở đầu tiên tại Đà Nẵng. Thời kì đầu vào Việt Nam do gặp hoàn cảnh không thuận lợi về chính trị, văn hóa và sự chèn ép của người Pháp nên sự truyền giáo của CMA cũng chưa thu được nhiều kết quả. Đến năm 1954, Tổng liên hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam đã được thành lập, có khoảng 50000 tín đồ và hơn 100 mục sư.

Từ năm 1954 – 1975, Tổng liên hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam ở miền Nam phát triển khá nhanh về số lượng tín đồ, giáo sĩ và quy mô hoạt động, phát triển lên một số tỉnh Tây Nguyên.

Hiện nay, ở Việt Nam có khoảng 400.000 tín đồ đạo Tin Lành, sinh hoạt trong 2 hội thánh ở miền Bắc và Nam.

### *19.2. Đặc điểm của Tin Lành ở Việt Nam*

## **Câu 20. Phân tích tiền đề ra đời đạo Islam.**

Hoàn cảnh lịch sử dẫn đến sự ra đời của Hồi giáo: Hồi giáo ra đời vào thế kỉ VII ở khu vực bán đảo Ả Rập. Hồi giáo ra đời do hàng loạt nguyên nhân kinh tế, xã hội, tư tưởng tôn giáo.

- Xã hội: Có nhiều thay đổi và biến động. Đây là thời kì tan rã của các công xã để chuyển sang chế độ phong kiến.

- Chính trị: Do những biến đổi của xã hội dẫn tới đòi hỏi phải có một chính quyền thống nhất, tập trung để phát triển con đường buôn bán và thống nhất các bộ lạc trên bán đảo. Quá trình hình thành chính quyền cũng diễn ra sự tranh giành quyền lực.
- Kinh tế: Khu vực này nằm trên con đường buôn bán Đông – Tây và chịu ảnh hưởng của những biến động do sự buôn bán đưa lại nên đã có sự phát triển khá mạnh.
- Tín ngưỡng, tôn giáo: Trước khi đạo Islam ra đời, tín ngưỡng của người dân ở khu vực này là tín ngưỡng đa thần. Họ cũng ít nhiều biết đến đạo Kitô và đạo Do Thái do theo chân các thương nhân đến. Đạo Islam ra đời đã tiếp thu và kế thừa các tín ngưỡng tôn giáo này.

Sự ra đời, hình thành và phát triển của Hồi Giáo.

Sự ra đời của Hồi giáo gắn liền với tên tuổi của Môhammed, có thể coi Môhamet là người sáng lập nên đạo Islam. Môhammed (570 – 632) xuất thân từ tầng lớp quý tộc bị sa sút và sớm mồ côi cha mẹ. Sau đó, ông kết hôn với một bà góa giàu có ở Mecca. Đây là điều kiện thuận lợi cho ông hoạt động tôn giáo và chính trị sau này.

Tương truyền, năm 610, Môhamet một mình vào một hang nhỏ ở ngọn núi ngoại thành Mecca để tu luyện và được thánh Ala (một đấng Toàn Năng) cử thiên sứ truyền đạt Thần dụ và khai thị cho ông về kinh Coran, và ông đã trở thành “Thánh thụ mệnh”. Sau đó, ông đi truyền đạo Islam.

Mặc dù bị chèn ép, xua đuổi, song năm 622 đạo Islam đã dần được khẳng định ở Madina và dần mở rộng sự ảnh hưởng sang các khu vực khác. Năm 632, Môhamet mất, do không để lại di chúc và không có con nối dõi nên tầng lớp quý tộc của đạo Islam diễn ra cuộc tranh giành quyền lãnh đạo và đã dẫn tới sự phân hóa thành 2 phái chính: Xuna và Sia.

Thế kỉ VIII, đạo Islam mới có sự phát triển hoàn chỉnh và mở rộng sự ảnh hưởng sang nhiều nước khác. Ngày nay, đạo Islam có khoảng 900 triệu tín đồ, tập trung chủ yếu ở vùng Trung Cận Đông, Bắc Phi và Nam Á.

### **Câu 21. Trình bày và phân tích giáo lý của đạo Hồi (đạo Hồi)**

Giáo lý cơ bản của Hồi giáo là kinh Coran vì đó là những lời của Môhammed được ghi lại và những lời này do thánh Allah “khai thị” cho Môhammed. Kinh Coran có tổng cộng 30 quyển, 114 chương hơn 6200 tiết (là những đoạn thơ). Nội dung kinh Coran vô cùng phong phú đại thể bao gồm những tín ngưỡng cơ bản và chế độ tôn giáo của đạo Hồi và những ghi chép về tình hình xã hội trên bán đảo Ả rập đương thời cùng với những chính sách về chủ trương xã hội, quy phạm luận lý đạo đức ... giáo lý Hồi giáo gồm các điểm cơ bản sau:

- Allah là đấng tối cao sinh ra trời đất, sinh ra con người
- Con người là bình đẳng trước Allah nhưng số phận và tài năng tạo nên sự khác nhau giữa những con người
- Số phận con người có tính định mệnh do Allah sắp đặt
- Tín đồ Hồi giáo phải luôn có thái độ đúng: trong cộng đồng Hồi Giáo thì phải kiên nhẫn chịu đựng, phục tùng Allah, đối với người ngoài thì phải kiên quyết bảo vệ mọi lợi ích của Hồi giáo và phải có tinh thần thánh chiến.
- Islam cũng quan niệm về linh hồn, thể xác, thiên đường và địa ngục giống với đạo Kitô.
- Những lời khuyên về đạo lý.
  - + Tôn thờ thần cao nhất là Allah
  - + Sống nhân từ độ lượng.
  - + Thưởng phạt công minh, trừng phạt chủ yếu là đối với kẻ thù.
  - + Thánh chiến là thiêng liêng và bắt buộc
  - + Kiên định và nhẫn nại trong mọi thử thách
  - + Tin vào định mệnh và sự công minh của Allah
  - + Cấm một số thức ăn: thịt heo, rượu bia và những chất có men. (heo là con vật gắn với khời nguyên: phát triển là nhờ chần nuôi)
  - + Trung thực
  - + Không tham của trộm cắp.
  - + Làm lễ và tuân thủ các nghi lễ Hồi giáo
- Các tín đồ có 5 nghĩa vụ chủ yếu; đó là niệm, lễ, trai, khoá, triều. Đây là 5 trụ cột của Hồi giáo, tạo nên sườn cốt cho đời sống của người Hồi giáo
  - + Niệm: Tín đồ phải thường xuyên tụng niệm thành tiếng tín điều cơ bản (Vạn vật không phải là Chúa, chỉ có chân Chúa; Mohammed là sứ giả của Chúa)
  - + Lễ: tức là lễ bái. Các tín đồ mỗi ngày hành lễ 5 lần sáng, trưa, chiều, tối, đêm) hướng về thánh địa Mecca. Buổi cầu nguyện trưa thứ 6 hàng tuần là buổi quan trọng nhất. Trước khi làm lễ tín đồ phải rửa mặt, tay, chân để cầu nguyện.
  - + Trai: tức là trai giới. Tháng 9 theo lịch Hồi là tháng trai giới của Hồi giáo. Trong tháng này mọi tín đồ nhịn ăn uống từ sáng đến lúc mặt trời lặn, không quan hệ tình dục. Kết thúc tháng này là lễ Phá bỏ sự nhịn đói, các tín đồ sẽ cùng nhau cầu nguyện, sau đó tặng quà cho nhau và bố thí.



- + Khoá: các tín đồ có nghĩa vụ đóng góp tiền bạc cho các hoạt động từ thiện, bố thí và đóng thuế. Sự đóng góp đó có thể là tự nguyện nhưng cũng có khi là bắt buộc dựa vào tài sản của tín đồ.
- + Triều: Các tín đồ có nghĩa vụ hành hương về Mecca ít nhất một lần trong đời. Cuộc lễ triều bái kéo dài trong 10 ngày. Ngày cuối cùng tín đồ sẽ hiến lễ một con lạc đà, hoặc một con vật có sừng.

## **Câu 22. Trình bày sự du nhập và đặc điểm của Hồi giáo ở Việt Nam**

### *22.1. Sự du nhập*

Đạo Islam có mặt ở Việt Nam (trong cộng đồng người Chăm) tương đối sớm, vào khoảng thế kỉ XI thông qua con đường giao lưu buôn bán. Tuy nhiên, phải đến thế kỉ XV, XVI, đạo Islam mới có được chỗ đứng trong cộng đồng của người Chăm.

Do cộng đồng đang ở thời kì tín ngưỡng đa thần, trong đó thần Nữ (thần Mẹ) được đề cao, nên tính chất tôn giáo của Islam giáo cũng có nhiều khác biệt so với Islam ở các quốc gia khác.

Hiện nay, số lượng người theo đạo Islam ở Việt Nam khoảng hơn 90 tín đồ, gồm 2 nhóm chính: Nhóm Islam sống chủ yếu ở tỉnh Ninh Thuận và Nhóm sống chủ yếu ở tỉnh An Giang. Có ban đại diện đặt tại Hồ Chí Minh.

### *22.2. Đặc điểm*

## **Câu 23. Trình bày sự ra đời và giáo lý cơ bản của đạo Cao Đài**

### *23.1. Sự ra đời*

Đạo Cao Đài ra đời năm 1926 ở Tây Ninh. Sự ra đời của đạo Cao Đài gắn với những vấn đề kinh tế, xã hội và tôn giáo ở Nam Bộ thời kì bấy giờ.

- Về kinh tế - xã hội Việt Nam vào những năm 1920 – 1930: Sau chiến tranh thế giới I, thực dân Pháp tăng cường khai thác thuộc địa, làm cho đời sống nhân dân càng thêm cực khổ. Thời kì này, phong trào chống Pháp và phong trào độc lập của dân ta phát triển khá mạnh, một số tổ chức cách mạng được thành lập. Tuy nhiên, sự hoạt động cách mạng ở nơi ra đời đạo Cao Đài còn hạn chế.
- Về tôn giáo: ở miền Nam, phong trào chấn hưng Phật giáo nổ ra rầm rộ nhưng sau đó đi tới ngõ cụt. đồng thời nổi lên những hiện tượng có tính tôn giáo như việc xưng thầy, xưng cô, cậu, hội kín...

⇒ Đó là những nguyên nhân dẫn tới sự ra đời của đạo Cao Đài.

Sự ra đời của đạo Cao Đài còn gắn với vai trò của ông Ngô Văn Chiêu và những người cộng sự như Lê Văn Trung, Phạm Công Trắc... Trong 4 năm đầu, đạo Cao Đài có khoảng 500 ngàn tín đồ, sau này vào thời kì phát triển cao nhất có khoảng 2 triệu tín đồ.

### 23.2. Giáo lý cơ bản

## **Câu 24. Trình bày sự ra đời và giáo lý cơ bản của Phật giáo Hòa Hảo**

### 24.1. Sự ra đời

Đạo Hòa Hảo ra đời năm 1939 ở làng Hòa Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc, An Giang. Đạo Hòa Hảo còn gọi là Phật giáo Hòa Hảo vì nó là sự phát triển tiếp nối của Phật giáo ở Việt Nam, đặc biệt là của một số giáo phái Phật giáo ở Nam Bộ.

Trước khi đạo Hòa Hảo ra đời, đã có nhiều tôn giáo để lại dấu ấn trong đời sống tinh thần của nhân dân như Phật giáo, Đạo giáo, Khổng giáo, Công giáo và đạo Cao Đài, trong đó, Phật giáo có sự ảnh hưởng lớn nhất. Ở Nam Bộ, có 2 phái của Phật giáo là Phật giáo Bửu Sơn kỳ hương và Phật giáo Tứ ân hiếu nghĩa. Đạo Hòa Hảo ra đời được coi là sự tiếp nối của Phật giáo Tứ ân.

Đạo Hòa Hảo ra đời gắn liền với vai trò của ông Huỳnh Phú Sổ (1919-1939), ông sinh ra ở làng Hòa Hảo, Châu Đốc. Ông lên vùng Bảy núi để chữa bệnh, ở đây ông đã theo Phật giáo Tứ ân. Về lại làng Hòa Hảo, ông cho rằng mình đã “ngộ đạo” và đi truyền bá tôn giáo mới của mình. Ông đã khéo léo kết hợp giữa tư tưởng tôn giáo với tinh thần dân tộc, kết hợp giữa truyền giáo với chữa bệnh nên có sự thu hút lớn đối với quần chúng. Năm 1945, đạo Hòa Hảo thực sự trở thành một tôn giáo và hoàn thiện về tổ chức. Sau này, trong đạo còn có quân đội, lực lượng bảo an và một đảng chính trị.

### 24.2. Giáo lý cơ bản:

Đạo Hòa Hảo ra đời là sự tiếp nối của Phật giáo Tứ ân nên đạo Hòa Hảo đã kế thừa và phát triển giáo lý của Phật giáo Tứ ân, được thể hiện trong quan niệm về “Tứ ân” và “Sử thập điều”. Tuy nhiên, do yếu tố đặc thù của nó nên đạo Hòa Hảo không phải là một hệ phái của Phật giáo.

Đạo Hòa Hảo cũng đơn giản hóa lễ nghi, lễ vật thờ cúng. Đạo Hòa Hảo thờ cúng tại gia với sự bài trí hết sức đơn giản.

## **Câu 25. Trình bày đặc điểm tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam**

Việt Nam nằm ở trung tâm khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa, thiên nhiên tương đối phong phú, đa dạng. Thời xa xưa, người Việt sống chủ yếu dựa vào việc khai thác tự nhiên. Vì vậy, việc thờ cúng các vị thần tự nhiên (*nhiên thần*) đã sớm gần gũi với họ. Hơn nữa, Việt Nam lại là ngã ba đường nơi giao lưu của nhiều tộc người, của nhiều luồng văn minh. Hai yếu tố đó làm cho Việt Nam trở thành một quốc gia *đa tôn giáo, tín ngưỡng*. Tính đa thần ấy không chỉ biểu hiện ở số lượng lớn các vị thần mà điều đáng nói là, các vị thần ấy cùng đồng hành trong tâm thức một người Việt. Điều đó dẫn đến một đặc điểm của đời sống tín ngưỡng - tôn giáo của người Việt đó là tính *hỗn dung tôn giáo*. Trước sự du nhập của các tôn giáo ngoại lai, người Việt không tiếp nhận một cách thụ động mà luôn có sự cải biến cho gần gũi với tư tưởng, tôn giáo bản địa. Vì vậy, ở nước ta, trong khi các tôn giáo vẫn phát triển thì các tín ngưỡng dân gian vẫn giữ vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của người dân.

Cũng chính vì tính hỗn dung tôn giáo ấy mà người Việt thể hiện sự *bàng bạc* trong niềm tin tôn giáo. Đa số người Việt đều có nhu cầu tôn giáo, tuy nhiên, phần đông trong số đó không là tín đồ thành kính của riêng một tôn giáo nào. Một người vừa có thể đến chùa, vừa có thể đến phủ miếu là việc làm ấy mang lại sự thanh thản về tinh thần cho họ, có thể thoả mãn điều họ cầu xin. Vì thế, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, một đặc điểm trong đời sống tín ngưỡng - tôn giáo của người Việt là *tính dụng*. Tôn giáo là để phục vụ nhu cầu cần thiết, trực tiếp của họ trong cuộc sống.

## **Câu 26. Trình bày sự ra đời và ý nghĩa của tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên**

Nếu xét thờ cúng tổ tiên ở góc độ truyền thống thì đó là truyền thống nhớ ơn những người đã khuất thuộc về huyết tộc của mình. Nếu xét ở góc độ tín ngưỡng tôn giáo thì thờ cúng Tổ tiên liên quan đến quan niệm về linh hồn, về thế giới bên kia, cuộc sống sau khi chết. Ở góc độ này, thờ cúng tổ tiên là sự thờ cúng vong linh những người đã khuất thuộc về huyết tộc để cầu mong sự che chở, trợ giúp, phù hộ của người đã khuất với người đang sống. Biểu hiện của thờ cúng Tổ tiên qua ma chay, giỗ tết, trong công việc trọng đại của gia đình hay của một thành viên trong gia đình. Thờ cúng Tổ tiên là một loại hình tín ngưỡng phổ biến, có ý kiến gọi là Đạo tổ tiên hay tôn giáo tổ tiên.

## **Câu 27. Trình bày sự ra đời và ý nghĩa của tín ngưỡng thờ Mẫu**

Thờ Mẫu bắt nguồn từ tín ngưỡng thờ nữ thần có từ thời kỳ của xã hội cộng sản nguyên thủy. Với cư dân nông nghiệp lúa nước như Việt Nam, tín ngưỡng này được bảo lưu, duy trì, phát triển và dần dần mang tính chất của một đạo, hay một tôn giáo - đạo Mẫu.

Về mặt lịch sử, tục thờ Mẫu, thời kỳ đầu là tín ngưỡng đa nữ thần, ngày nay người ta còn thấy dấu vết của hiện tượng này, như việc thờ Mẹ Cây, Mẹ Nước, Mẹ Đất... Dần dần theo hướng khái quát hóa hay "chung cất", người Việt đã quy tụ các nữ thần về một số nữ thần cơ bản và gọi là các thần Mẫu như Mẫu Cửu Thiên Huyền Nữ, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải (Thủy). Ba vị Mẫu này đại diện cho 3 khu vực không gian địa lý khác nhau. Từ việc khái quát này đã ra đời tín ngưỡng (hay đạo) Tam phủ. Từ nửa cuối thế kỷ XVI, người Việt sáng tạo ra Mẫu Liễu Hạnh, đại diện cho con người, góp phần hoàn thiện đạo Mẫu.

Gọi là đạo Mẫu hay tôn giáo Mẫu vì trong tín ngưỡng Mẫu đã có những yếu tố cấu thành một Tôn giáo hiện đại. Ví dụ: tín ngưỡng Mẫu có người thờ cúng chuyên nghiệp là Con Công, tín đồ là đệ tử, hệ thống quy định chặt chẽ, bắt buộc đối với hoạt động thờ cúng.

Tín ngưỡng Mẫu có mặt ở nhiều cộng đồng người, ở mỗi khu vực nó lại chịu ảnh hưởng của văn hóa, tín ngưỡng khu vực đó, nên có sắc thái riêng. Tín ngưỡng Mẫu pha tạp vào tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo, hình thành việc thờ cúng Mẫu trong nhiều chùa Phật giáo Bắc Tông Việt Nam.

## **Câu 28. Trình bày sự khác nhau giữa tín ngưỡng và tôn giáo**

### *28.1. Sự giống nhau giữa tôn giáo và tín ngưỡng*

Một là, những người có tôn giáo (Phật giáo, Thiên chúa giáo, đạo Tin lành,...) và có sinh hoạt tín ngưỡng dân gian (tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ Thành hoàng, tín ngưỡng thờ Mẫu,...) đều tin vào những điều mà tôn giáo đó và các loại hình tín ngưỡng đó truyền dạy, mặc dù họ không hề được trông thấy Chúa Trời, đức Phật hay cụ kỵ tổ tiên hiện hình ra bằng xương bằng thịt và cũng không được nghe bằng chính giọng nói của các đấng linh thiêng đó.

Sự giống nhau thứ hai giữa tôn giáo và tín ngưỡng là những tín điều của tôn giáo và tín ngưỡng đều có tác dụng điều chỉnh hành vi ứng xử giữa các cá thể với nhau, giữa cá thể với xã hội, với cộng đồng, giải quyết tốt các mối quan hệ trong gia đình trên cơ sở giáo lý tôn giáo và noi theo tấm gương sáng của những đấng bậc được tôn thờ trong các tôn giáo, các loại hình tín ngưỡng đó.

### *28.2. Sự khác nhau giữa tôn giáo và tín ngưỡng*

Một là, nếu tôn giáo phải có đủ 4 yếu tố cấu thành, đó là: giáo chủ, giáo lý, giáo luật và tín đồ, thì các loại hình tín ngưỡng dân gian không có 4 yếu tố đó. Giáo chủ là người sáng lập ra tôn giáo ấy (Thích ca Mâu ni sáng lập ra đạo Phật, đức chúa Giê su sáng lập ra đạo Công giáo, nhà tiên tri Mô ha mét sáng lập ra đạo Hồi, ...); giáo lý là những lời dạy của đức giáo chủ

đối với tín đồ; giáo luật là những điều luật do giáo hội soạn thảo và ban hành để duy trì nếp sống đạo trong tôn giáo đó; tín đồ là những người tự nguyện theo tôn giáo đó.

Hai là, nếu đối với tín đồ tôn giáo, một người, trong một thời điểm cụ thể, chỉ có thể có một tôn giáo thì một người dân có thể đồng thời sinh hoạt ở nhiều tín ngưỡng khác nhau. Chẳng hạn, người đàn ông vừa có tín ngưỡng thờ cụ kỵ tổ tiên, nhưng ngày mừng Một và Rằm âm lịch hàng tháng, ông ta còn ra đình lễ Thánh. Cũng tương tự như vậy, một người đàn bà vừa có tín ngưỡng thờ ông bà cha mẹ, nhưng ngày mừng Một và Rằm âm lịch hàng tháng còn ra miếu, ra chùa làm lễ Mẫu, ...

Ba là, nếu các tôn giáo đều có hệ thống kinh điển đầy đủ, đồ sộ thì các loại hình tín ngưỡng chỉ có một số bài văn tế (đối với tín ngưỡng thờ thành hoàng), bài khấn (đối với tín ngưỡng thờ tổ tiên và thờ Mẫu). Hệ thống kinh điển của tôn giáo là những bộ kinh, luật, luận rất đồ sộ của Phật giáo; là bộ “Kinh thánh” và “Giáo luật” của đạo Công giáo; là bộ kinh “Qur’an” của Hồi giáo,... Còn các cuốn “Gia phả” của các dòng họ và những bài hát chầu văn mà những người cung văn hát trong các miếu thờ Mẫu không phải là kinh điển.

Bốn là, nếu các tôn giáo đều có các giáo sĩ hành đạo chuyên nghiệp và theo nghề suốt đời, thì trong các sinh hoạt tín ngưỡng dân gian không có ai làm việc này một cách chuyên nghiệp cả. Các tăng sĩ Phật giáo và các giáo sĩ đạo Công giáo đều là những người làm việc chuyên nghiệp và hành đạo suốt đời (có thể có một vài ngoại lệ, nhưng số này chiếm tỷ lệ rất ít). Còn trước đây, những ông Đám của làng có 1 năm ra đình làm việc thờ Thánh, sau đó lại trở về nhà làm những công việc khác, và như vậy không phải là người làm việc thờ Thánh chuyên nghiệp.

### **Câu 29. Trình bày các tiêu chí của sự phân loại tín ngưỡng ở Việt Nam**

Tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam là hệ thống phức tạp, để có cái nhìn tổng quát về hệ thống này cần phân loại chúng theo những tiêu chí nhất định, nhưng sự phân loại này cũng chỉ là tương đối. Nói đến tín ngưỡng tức nói đến tôn thờ thần linh. Vậy phân loại tín ngưỡng là phân loại các vị thần linh mà người Việt tôn thờ.

Phân loại theo tầng bậc không gian: các thần cai quản trên trời (Mây, mưa, sấm, trời...); cai quản mặt đất (đất, núi, sông...); cai quản cõi âm, thường là các ác thần.

Phân loại theo khả năng và phẩm chất: thiện thần và ác thần. Nhà nước pháp quyền trước đây còn phân thành thượng đẳng thần, trung đẳng thần và hạ đẳng thần.

Phân loại theo phạm vi tác động đối với con người:

- Loại thần chỉ tác động đối với 1 hay 1 số người cùng loại (Ví dụ: thần Bản mệnh)
- Tác động trong phạm vi 1 gia đình (Tổ tiên, thổ công)
- Phạm vi cộng đồng làng (Thành hoàng làng, thổ địa)
- Phạm vi quốc gia (Tổ Hùng vương, Tứ bất tử)

Ngoài tiêu chí phân loại nêu trên, còn nhiều tiêu chí khác như phân loại theo giới tính, theo nghề nghiệp, theo chính tà....

**Câu 30. Trình bày quan điểm, đường lối của Đảng Cộng Sản về tôn giáo trong Nghị quyết 24 NQ/TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới.**

*30.1. Bối cảnh ra đời*

- Từ năm 1986, nước ta bước vào công cuộc đổi mới đất nước, ĐH VI.
- Công cuộc đổi mới toàn diện đòi hỏi phải đồng bộ, nhịp nhàng trên mọi lĩnh vực, trong đó có vấn đề tôn giáo được Đảng và Nhà nước ta tái nhận thức trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Đổi mới về tôn giáo nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu tinh thần của đồng bào có đạo và họ được hưởng lợi ích từ thành quả của công cuộc đổi mới sẽ là nguồn động viên cổ vũ lớn giúp họ gắn bó với Đảng, với dân tộc, tích cực tham gia thực hiện sự nghiệp đổi mới.
- Tôn giáo là lĩnh vực mà các thế lực thù địch luôn chú ý để thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình", chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.
- Tôn giáo không phải là một hiện tượng xã hội hoàn toàn tiêu cực mà còn có những mặt tích cực trong đời sống xã hội.

*30.2. Nội dung cụ thể*

- Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, đoàn kết tôn giáo, hoà hợp dân tộc.
- Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân.
- Thực hiện bình đẳng đoàn kết giữa các tôn giáo, khắc phục mọi thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử đối với đồng bào có đạo, chống những hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, nghiêm cấm và ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng tôn giáo, phá hoại độc lập và đoàn kết dân tộc, chống phá Chủ nghĩa xã hội, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân.

### 30.3. Nguyên tắc cụ thể

- Tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng và tự do tôn giáo của mọi công dân. Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi trước pháp luật, không phân biệt người theo đạo và người không theo đạo cũng như giữa các tôn giáo khác nhau.
- Đoàn kết gắn bó đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo trong khối đại đoàn kết nhân dân.
- Mọi cá nhân và tổ chức hoạt động tín ngưỡng tôn giáo phải tuân thủ hiến pháp và pháp luật; có nghĩa vụ bảo vệ lợi ích tổ quốc Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa, giữ gìn độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia.
- Những hoạt động tôn giáo ích nước lợi dân, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích chính đáng của tín đồ được bảo đảm. Những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo được khuyến khích phát huy.
- Mọi hành vi lợi dụng hoạt động tôn giáo để làm mất trật tự an toàn xã hội và phương hại đến độc lập dân tộc, phá hoại chính sách đoàn kết toàn dân, chống lại nhà nước CHXHCNVN, gây tổn hại đến những giá trị đạo đức, lối sống, văn hoá của dân tộc, ngăn cản tín đồ, chức sắc của các tôn giáo thực hiện nghĩa vụ công dân đều bị xử lý theo pháp luật. Hoạt động mê tín dị đoan phải bị phê phán loại bỏ.
- Các cấp chính quyền, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, các tổ chức xã hội và các tổ chức tôn giáo có trách nhiệm làm tốt công tác vận động quần chúng thực hiện đúng đắn chính sách tôn giáo của Đảng và nhà nước.

### 30.4. Nghị quyết 24/NQ – TW ngày 16/10/1990

- Đánh dấu bước tiến về tư duy lý luận, đổi mới nhận thức của Đảng ta về tôn giáo và công tác tôn giáo, thực hiện quan điểm mới với 3 luận điểm quan trọng:
  - + Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài
  - + Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân.
  - + đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội
- Thông qua quan điểm chỉ đạo của Đảng về vấn đề tôn giáo trong đó đưa ra 3 nhiệm vụ; 5 nguyên tắc chính sách cụ thể đối với tín đồ, chức sắc, nhà tu hành, tổ chức giáo hội, hoạt động từ thiện xã hội và hoạt động đối ngoại, quan hệ quốc tế tôn giáo.
  - + Thứ nhất, nhận thức mới về quan điểm và chính sách tôn giáo

- + khẳng định tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng CNXH. Thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân các giáo hội, các hệ phái tôn giáo có đường lối hành đạo, gắn bó với dân tộc, có tôn chỉ, có mục đích, điều lệ phù hợp với pháp luật nhà nước, có tổ chức và bộ máy nhân sự đảm bảo tốt về 2 mặt; đạo – đời được nhà nước xem xét trong từng trường hợp cụ thể để cho phép hoạt động. Kiện toàn cơ quan nhà nước, quản lý các hoạt động tôn giáo, hội đồng bộ trưởng cần sớm ban hành các văn bản pháp quy để cụ thể hoá nghị quyết.
- + Thứ 2, đổi mới về công tác quản lý nhà nước đối với tôn giáo

Làm công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị phối hợp chặt chẽ với nhau dưới sự lãnh đạo của đảng. Công tác tôn giáo bao gồm nhiều mặt: vận động tín đồ, chức sắc, tổ chức sự quản lý nhà nước đối với hoạt động của giáo hội, thực hiện các hoạt động đối ngoại về tôn giáo, kết hợp nghiên cứu lý luận và chỉ đạo thực hiện hoạt động thực tiễn.

⇒ Nghị quyết 24 là bước tiến về tư duy lý luận và đổi mới nhận thức của đảng ta trên lĩnh vực tôn giáo:

- Về nhận thức: nhìn nhận tôn giáo còn tồn tại lâu dài, tín ngưỡng tôn giáo có nguồn gốc xã hội, không thể xoá bỏ tôn giáo bằng các biện pháp hành chính hay cưỡng chế. Tín ngưỡng tôn giáo tồn tại cùng dân tộc trong quá trình đi lên CNXH.
- Các nhìn nhận tôn giáo đa chiều, khắc phục nhìn nhận phiến diện của thời kỳ trước đổi mới: chúng ta thường chú trọng vào ý thức vô thần, hữu thần, chú trọng vào khía cạnh chính trị, mê tín. Đảng ta đã thừa nhận những giá trị văn hoá, đạo đức tôn giáo.

### 30.5. Nhận xét

Nghị quyết 24 là bước tiến về tư duy lý luận và đổi mới nhận thức của Đảng ta trên lĩnh vực tôn giáo.

- Đổi mới về nhận thức: nhìn nhận tôn giáo còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo có nguồn gốc xã hội, không thể xoá bỏ tôn giáo bằng các biện pháp hành chính hay cưỡng chế. Tín ngưỡng, tôn giáo tồn tại cùng dân tộc trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Cách nhìn nhận tôn giáo đa chiều, khắc phục nhìn nhận phiến diện của thời kỳ trước đổi mới, chúng ta thường chú trọng vào ý thức luận vô thần, hữu thần, chú trọng vào khía cạnh chính trị, mê tín. Đảng ta đã thừa nhận những giá trị văn hoá, đạo đức tôn giáo.